



Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

3300101124

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3300101124 ngày 28 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Hội
Ông Takahashi Yukio
Ông Nguyễn Viết Tạo
Ông Go Fujiyama

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 2 năm 2017)
Thành viên
(đến ngày 21 tháng 2 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Johnny Cheung - Ching Fu
Ông Nguyễn Quốc Thành
Ông Trần Thắng
Ông Lê Bá Giang

Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 10 năm 2017)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 30 tháng 9 năm 2017)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Hồ Minh Quốc
Bà Ngô Thị Minh Nguyệt
Bà Đào Thị Chinh
Bà Đặng Thị Hoa
Ông Yukiaki Hayashi

Trưởng ban kiểm soát
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2017)
Trưởng ban kiểm soát
(đến ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2017
đến ngày 19 tháng 10 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Số 2, Nguyễn Công Trứ
Thành phố Huế
Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các khoản dự phòng đầu tư tài chính

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 ước tính là 7.404.093.232 VND. Công ty đã không thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót nêu trên mà ghi nhận toàn bộ các khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2017 về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này. Ý kiến của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tiếp tục ngoại trừ cho ảnh hưởng của sự so sánh tương ứng giữa số liệu năm hiện hành với số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thu nhập cổ tức từ công ty liên doanh

Công ty đã thực hiện ghi nhận trước thu nhập cổ tức từ Công ty TNHH Sài Gòn Morin Hué - một công ty liên doanh với số tiền là 3.400.000.000 VND vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 nhưng khoản cổ tức này được phê duyệt vào ngày 11 tháng 1 năm 2016. Do đó, thu nhập từ cổ tức được chia phải được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Công ty đã không thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót nêu trên. Trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2017 về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này. Ý kiến của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tiếp tục ngoại trừ cho ảnh hưởng của sự so sánh tương ứng giữa số liệu năm hiện hành với số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Ghi giảm cổ tức phải thu

Trong năm 2016, Công ty đã ghi nhận cổ tức được chia với số tiền là 6.050.352.585 VND từ Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Trong năm 2017, Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành đã quyết định sẽ giữ lại cổ tức đã chia trong năm 2016 để đầu tư và nâng cấp mở rộng khách sạn theo Biên bản họp của Hội đồng Thành viên ngày 20 tháng 7 năm 2017. Theo đó, Công ty đã ghi giảm khoản cổ tức phải thu này vào Lỗ lũy kế đến cuối năm trước (Thuyết minh 18), việc điều chỉnh tăng Lỗ lũy kế đến cuối năm trước này không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Nếu Công ty ghi giảm khoản cổ tức phải thu này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 thì Chi phí tài chính và Lỗ kế toán trước và sau thuế trong năm sẽ tăng 6.050.352.585 VND, Lỗ lũy kế đến cuối năm trước sẽ giảm 6.050.352.585 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

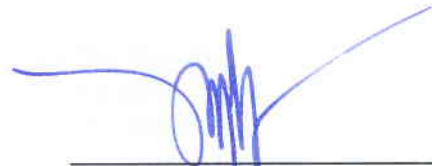
Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-499




Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		66.884.843.876	195.878.838.319
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	53.605.193.610	137.388.676.839
Tiền	111		40.605.193.610	136.385.010.172
Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	1.003.666.667
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.775.374.899	57.929.695.227
Phải thu khách hàng	131	6	1.908.004.215	1.592.478.232
Trả trước cho người bán	132		102.408.000	30.000.000
Khoản cho vay phải thu	135		-	46.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	11.528.341.392	11.070.595.703
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(763.378.708)	(763.378.708)
Hàng tồn kho	140	9	504.275.367	560.466.253
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		179.983.690.547	164.265.797.677
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.948.817.680	4.948.817.680
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	4.948.817.680	4.948.817.680
Tài sản cố định	220		30.639.244.270	34.381.389.589
Tài sản cố định hữu hình	221	10	29.618.932.799	33.354.684.676
Nguyên giá	222		79.334.283.901	79.089.376.628
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.715.351.102)	(45.734.691.952)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.020.311.471	1.026.704.913
Nguyên giá	228		1.308.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(288.026.529)	(281.633.087)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.771.006.344	2.332.381.063
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	9.771.006.344	2.332.381.063
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	125.482.669.656	108.321.551.556
Đầu tư vào các công ty con	251		28.275.211.488	28.275.211.488
Đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết	252		109.118.173.722	91.957.055.622
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.910.715.554)	(14.910.715.554)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

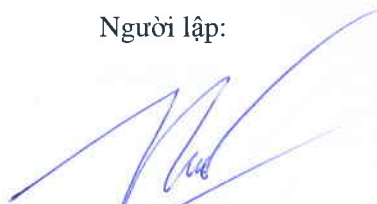
Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn khác	260		9.141.952.597	14.281.657.789
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	9.141.952.597	14.281.657.789
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		246.868.534.423	360.144.635.996
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		37.133.961.331	138.331.582.462
Nợ ngắn hạn	310		37.133.961.331	138.331.582.462
Phải trả người bán	311	15	910.030.721	1.383.892.622
Người mua trả tiền trước	312		806.497.612	86.946.760
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	282.765.024	224.376.476
Phải trả người lao động	314		1.650.196.653	2.163.956.918
Phải trả khác	319	17	33.303.599.005	134.472.409.686
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		180.872.316	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		209.734.573.092	221.813.053.534
Vốn chủ sở hữu	410	18	209.734.573.092	221.813.053.534
Vốn cổ phần	411	19	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	47.223.517.700	47.223.517.700
Lỗi lũy kế	421		(37.488.944.608)	(25.410.464.166)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(31.460.816.751)	(11.404.415.192)
- Lỗi năm nay	421b		(6.028.127.857)	(14.006.048.974)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		246.868.534.423	360.144.635.996

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Ngô Đức Chính
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Bá Giang
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	42.765.760.364	46.097.541.493
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	32.444.105.709	39.242.837.717
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		10.321.654.655	6.854.703.776
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.862.943.764	13.004.362.149
Chi phí tài chính	22	24	14.451.214	12.908.028.953
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	519.679.101
Chi phí bán hàng	25		1.891.747.036	947.178.811
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.240.876.615	18.471.002.228
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 25 - 26)	30		(6.962.476.446)	(12.467.144.067)
Thu nhập khác	31		984.836.089	504.629.806
Chi phí khác	32		50.487.500	2.043.534.713
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		934.348.589	(1.538.904.907)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(6.028.127.857)	(14.006.048.974)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(6.028.127.857)	(14.006.048.974)

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ kế toán trước thuế	01	(6.028.127.857)	(14.006.048.974)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	3.987.052.592	4.311.800.385
Các khoản dự phòng	03	-	8.200.984.224
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.865.855	(89.693.305)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.841.653.837)	(12.183.144.249)
Chi phí lãi vay	06	-	519.679.101
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(4.877.863.247)	(13.246.422.818)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	1.084.675.915	24.250.360.189
Biến động hàng tồn kho	10	56.190.886	104.155.155
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(912.541.131)	(30.120.443.077)
Biến động chi phí trả trước	12	5.139.705.192	3.043.968.813
		490.167.615	(15.968.381.738)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(519.679.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(647.726.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	490.167.615	(17.135.787.592)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.844.650.654)	(1.757.125.316)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	313.074.567
Tiền chi cho vay	23	-	(51.000.000.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay	24	46.000.000.000	5.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25 4	(15.000.000.000)	(1.064.076.154)
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25 7	(5.536.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	396.945.665	15.824.042.122
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	16.016.295.011	(32.684.084.781)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	6.800.000.000
Tiền thu để chi hộ từ công ty mẹ	33	-	158.423.559.521
Tiền chi trả khoản thu hộ	34	(100.285.080.000)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(6.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(100.285.080.000)	158.423.559.521
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(83.778.617.374)	108.603.687.148
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	137.388.676.839	28.695.296.386
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(4.865.855)	89.693.305
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 5	53.605.193.610	137.388.676.839

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang (“Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 2 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân (“UBND”) tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch như kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; và
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 206 nhân viên (1/1/2017: 214 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty con (1/1/2017: 2 công ty con) và 7 công ty liên kết, liên doanh (1/1/2017: 6 công ty) như trình bày tại Thuyết minh 13.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin toàn diện về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị còn lại của khoản đầu tư này. Khi giá trị trường không có sẵn thì dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị trường của khoản đầu tư tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản ước tính chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 15 năm
▪ thiết bị và dụng cụ quản lý	5 – 7 năm

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được xác định bằng 10% trên tổng giá trị thực tế doanh nghiệp tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Phí cài tạo tài sản

Phí cài tạo tài sản được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Dịch vụ cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan

Doanh thu cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan được ghi nhận khi khách hàng sử dụng các dịch vụ này.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí lãi vay thì khi đó chi phí lãi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

4. Đầu tư vào một công ty liên kết

Tại ngày 1 tháng 6 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành, một công ty liên kết, thông qua việc bàn giao tài sản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 42/2014/HĐHTĐT/Bitexco-HuongGiang, ngày 18 tháng 12 năm 2014 và biên bản bàn giao ngày 1 tháng 6 năm 2017. Theo đó, tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày 1 tháng 6 năm 2017 đã tăng hoặc giảm tại ngày góp vốn như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm góp vốn VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.000.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	2.161.118.100
Tài sản thuần góp vốn có thể xác định được	17.161.118.100
Tiền thuần chi ra để góp vốn	(15.000.000.000)

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	257.652.742	108.981.982
Tiền gửi ngân hàng	40.346.386.668	136.276.028.190
Tiền đang chuyển	1.154.200	-
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	1.003.666.667
	53.605.193.610	137.388.676.839

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 31,9 tỷ VND (1/1/2017: 131,9 tỷ VND) bị hạn chế sử dụng theo Công văn số 1398/STC-TCĐN, ngày 26/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Công ty nhận hộ khoản tiền mua 62,9% cổ phần của Công ty từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco và sẽ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (Thuyết minh 17).

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	717.110.038	717.110.038
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	66.300.000	1.337.400
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	-	3.400.000
Các khách hàng khác	1.124.594.177	870.630.794
	1.908.004.215	1.592.478.232

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang - công ty con	66.300.000	1.337.400
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco - nhà đầu tư	-	3.400.000
	66.300.000	4.737.400

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải thu	874.208.172	6.050.352.585
Ứng tiền mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An, công ty con	5.536.000.000	-
Phải thu từ Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An, công ty con	186.392.550	-
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco, nhà đầu tư	1.570.500.000	-
Tạm ứng	1.113.170.000	1.110.000.000
Phải thu từ dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế, công ty liên kết	933.690.527	1.895.128.210
Phải thu từ công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang - công ty con	462.863.339	486.959.339
Phải thu từ chi hộ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	298.897.338
Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	220.639.373	220.639.373
Phải thu từ chi hộ công ty Du lịch Cổ đô	-	229.000.000
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	182.764.610	281.178.432
Phải thu khác	149.215.483	498.440.426
	11.528.341.392	11.070.595.703

Khoản phải thu phi thương mại từ công ty con, công ty liên kết và nhà đầu tư không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu từ công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (*)	4.948.817.680	4.948.817.680

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiên Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiên Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyền Trân. Năm 2011, Công ty đã bàn giao sang cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyền Trân) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này. Do việc bàn giao công trình chưa hoàn thành nên Công ty tiếp tục theo dõi là khoản phải thu từ Công ty Văn hóa Đất Việt.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2017			1/1/2017			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ:								
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thuận An	>1.440	717.110.038	(717.110.038)	-	>1.080	717.110.038	(717.110.038)	-
Khác	>720	46.268.670	(46.268.670)	-	>360	46.268.670	(46.268.670)	-
		763.378.708	(763.378.708)	-		763.378.708	(763.378.708)	-

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	763.378.708	717.110.038
Dự phòng lập trong năm	-	131.052.670
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(84.784.000)
Số dư cuối năm	763.378.708	763.378.708

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	253.085.813	-	277.006.655	-
Hàng hóa	251.189.554	-	283.459.598	-
	504.275.367	-	560.466.253	-

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá					
	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	59.312.103.476	11.163.690.675	7.809.440.833	804.141.644	79.089.376.628
Tăng trong năm	-	-	244.907.273	-	244.907.273
Số dư cuối năm	59.312.103.476	11.163.690.675	8.054.348.106	804.141.644	79.334.283.901
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	33.112.224.306	9.297.613.974	2.605.366.207	719.487.465	45.734.691.952
Khấu hao trong năm	2.669.610.824	722.932.622	563.836.427	24.279.277	3.980.659.150
Số dư cuối năm	35.781.835.130	10.020.546.596	3.169.202.634	743.766.742	49.715.351.102
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	26.199.879.170	1.866.076.701	5.204.074.626	84.654.179	33.354.684.676
Số dư cuối năm	23.530.268.346	1.143.144.079	4.885.145.472	60.374.902	29.618.932.799

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 17.251 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 17.251 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	281.633.087	281.633.087
Khấu hao trong năm	-	6.393.442	6.393.442
Số dư cuối năm	-	288.026.529	288.026.529
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	999.000.000	27.704.913	1.026.704.913
Số dư cuối năm	999.000.000	21.311.471	1.020.311.471

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.332.381.063	2.107.820.972
Tăng trong năm	9.599.743.381	224.560.091
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 4)	(2.161.118.100)	-
Số dư cuối năm	9.771.006.344	2.332.381.063
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án cải tạo Khách sạn Hương Giang	8.812.118.344	-
Dự án khách sạn 91 Hàn Thuyên	-	2.161.118.100
Các dự án khác	958.888.000	171.262.963
	9.771.006.344	2.332.381.063

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017			1/1/2017		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con						
▪ Công ty TNHH Lữ Hành Hương Giang (a)	100,0%	100,0%	11.643.211.488	100,0%	100,0%	11.643.211.488
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An (b)	91,4%	91,4%	16.632.000.000	91,4%	91,4%	16.632.000.000
			(5.640.135.709)			(5.640.135.709)
			28.275.211.488			28.275.211.488
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty TNHH Du lịch Lăng Có (c)	40,0%	40,0%	6.239.210.372	40,0%	40,0%	6.239.210.372
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Huế (d)	20,0%	20,0%	1.200.000.000	20,0%	20,0%	1.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc (e)	31,3%	31,3%	940.000.000	31,3%	31,3%	940.000.000
			-			-
			8.379.210.372			8.379.210.372
			(3.714.579.845)			(3.714.579.845)

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2017		1/1/2017		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty liên doanh					
▪ Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế (f)	50,0%	50,0%	50.720.625.000	-	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (g)	50,0%	50,0%	2.556.000.000	(2.556.000.000)	(2.556.000.000)
▪ Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành (h)	49,0%	49,0%	30.301.220.250	-	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành (i)	35,0%	35,0%	17.161.118.100	-	-
			100.738.963.350	(2.556.000.000)	(2.556.000.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			109.118.173.722	(6.270.579.845)	(6.270.579.845)
Đầu tư vào đơn vị khác					
▪ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du Lịch Thuận An	12,0%	12,0%	3.000.000.000	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
			140.393.385.210	(14.910.715.554)	(14.910.715.554)

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Công ty TNHH Lữ Hành Hương Giang được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300383045, ngày 16/09/2005. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh du lịch và đại lý vé máy bay.
- (b) Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300422992, ngày 31/10/2006. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh du lịch và khách sạn.
- (c) Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300384264, ngày 04/01/2006. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn, dịch vụ, nhà hàng và du lịch.
- (d) Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch Huế được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000005, ngày 22/06/2000. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thể thao và khu vui chơi giải trí.
- (e) Công ty cổ phần du lịch Thiên Phúc được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 311032000011, ngày 25/07/2007. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt.
- (f) Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100000, ngày 18/10/2004. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.
- (g) Công ty TNHH Dịch vụ du lịch và nhà hàng Việt Nhật được thành lập theo giấy phép đầu tư số 2294/GP, ngày 25/12/2002. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh nhà hàng, đồ lưu niệm, dịch vụ du lịch và khách sạn.
- (h) Công Ty TNHH Khách sạn Kinh Thành được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300355898, ngày 29/06/2011. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.
- (i) Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3301559816, ngày 25/05/2017. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Xem Thuyết minh 28 trong báo cáo tài chính riêng về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa (*) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phí cải tạo tài sản VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.199.233.675	5.388.215.263	2.655.921.584	3.038.287.267	14.281.657.789
Tăng trong năm	-	565.202.642	678.811.817	1.038.165.001	2.282.179.460
Phân bổ trong năm	(3.199.233.675)	(1.859.709.074)	(1.145.843.388)	(1.217.098.515)	(7.421.884.652)
Số dư cuối năm	-	4.093.708.831	2.188.890.013	2.859.353.753	9.141.952.597

(*)

Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước – Công ty Du lịch Hương Giang (sau này là Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang). Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa dựa trên biên bản định giá ngày 31 tháng 8 năm 2006 do Cục Quản lý Công sản – Bộ Tài chính phát hành và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV Hoàng Mai Foods	107.275.783	-
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	80.569.200	-
Công ty TNHH Giặt là Bình Minh	86.061.200	76.967.766
Công ty TNHH Không Gian Độc Đáo	62.945.500	145.686.500
Các nhà cung cấp khác	573.179.038	1.161.238.356
Số có khả năng trả nợ	910.030.721	1.383.892.622

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang - công ty con	80.569.200	-

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và sẽ hoàn trả khi có yêu cầu.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Số phải nộp	Số đã nộp/cán trừ	31/12/2017
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	191.279.652	3.861.712.486	(3.797.739.577)	255.252.561
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.320.974	143.734.536	(144.898.817)	8.156.693
Thuế thu nhập cá nhân	23.775.850	248.916.217	(254.493.760)	18.198.307
Thuế nhà đất	-	5.277.193.426	(5.277.193.426)	-
Thuế khác	-	189.116.850	(187.959.387)	1.157.463
	224.376.476	9.720.673.515	(9.662.284.967)	282.765.024

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Phải trả khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải trả cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	31.603.342.006	131.888.422.006
Lãi tiền gửi ngân hàng của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	320.758.624	-
Thu hồi vốn góp tại công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ quyết toán	518.052.851	518.052.851
Lãi tiền gửi phải trả các cổ đông	-	885.855.550
Phải trả Cục Sở hữu Trí tuệ	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	861.445.524	1.075.079.279
	33.303.599.005	134.472.409.686

- (*) Trong tháng 3 năm 2016, Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco đã mua lại 62,9% số vốn cổ phần của Công ty từ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 624/QĐ-UBND, ngày 30/03/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Công ty nhận hộ khoản tiền mua cổ phần này từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco và sẽ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200.000.000.000	47.223.517.700	(11.404.415.192)	235.819.102.508
Lỗ thuần trong năm	-	-	(14.006.048.974)	(14.006.048.974)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	47.223.517.700	(25.410.464.166)	221.813.053.534
Ghi giảm cổ tức phải thu (*)	-	-	(6.050.352.585)	(6.050.352.585)
Lỗ thuần trong năm	-	-	(6.028.127.857)	(6.028.127.857)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	200.000.000.000	47.223.517.700	(37.488.944.608)	209.734.573.092

- (*) Trong năm 2016, dựa vào quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã ghi nhận cổ tức được chia với số tiền là 6.050.352.585 VND trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Trong năm 2017, Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành đã quyết định không chi trả cổ tức đã công bố trong năm 2016 để đầu tư và nâng cấp mở rộng khách sạn theo Biên bản họp của Hội đồng Thành viên ngày 20 tháng 7 năm 2017. Theo đó, Công ty đã ghi giảm khoản cổ tức phải thu này và điều chỉnh tăng Lỗ lũy kế đến cuối năm trước.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	47.223.517.700	-	47.223.517.700

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng 1 năm	5.185.291.890	5.185.291.890
Trong vòng 2 đến năm 5	18.307.510.631	18.475.110.429
Sau 5 năm	52.512.768.193	57.016.320.939
	76.005.570.714	80.676.723.258

(b) Ngoại tệ các loại

		31/12/2017		1/1/2017
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9.236	209.103.978	6.372	144.727.428
EUR	475	12.755.856	486	11.466.504
		221.859.834		156.193.932

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
Cho thuê phòng khách sạn và bán vé tham quan	39.954.904.308	40.727.570.085
Dịch vụ và doanh thu khác	2.810.856.056	5.369.971.408
	42.765.760.364	46.097.541.493

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Cho thuê và bán vé tham quan	29.809.336.374	34.138.530.990
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	2.634.769.335	5.104.306.727
	32.444.105.709	39.242.837.717

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.967.445.665	2.524.925.425
Thu nhập từ cổ tức	874.208.172	10.389.743.419
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.289.927	89.693.305
	2.862.943.764	13.004.362.149

24. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	-	8.154.715.554
Chi phí thuê đất cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	-	4.173.075.368
Chi phí lãi vay	-	519.679.101
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.451.214	60.558.930
	14.451.214	12.908.028.953

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Chi phí nhân công	7.042.437.370	7.263.182.287
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	3.199.233.675	3.047.010.584
Chi phí nguyên liệu	1.864.271.077	1.029.256.436
Chi phí khấu hao	3.383.614.300	1.966.652.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.683.529.206	256.981.498
Thuế, phí và lệ phí	-	2.040.451.626
Chi phí khác	1.067.790.987	2.867.467.552
	18.240.876.615	18.471.002.228

26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	13.291.812.629	15.998.857.177
Chi phí nhân công	20.233.380.022	18.877.454.129
Chi phí khấu hao	3.987.052.592	4.311.800.385
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	3.199.233.675	3.047.010.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.189.995.549	9.022.413.601
Chi phí khác	5.675.254.893	7.403.482.880

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(6.028.127.857)	(14.006.048.974)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.205.625.571)	(2.801.209.795)
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	1.085.283.686
Thu nhập không bị tính thuế	(174.841.634)	(2.078.349.621)
	(1.380.467.205)	(3.794.275.730)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.380.467.205	3.794.275.730
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2016: 20%).

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	45.920.479.818	9.184.095.963	39.018.143.789	7.803.628.758

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2019	Chưa quyết toán	8.786.595.056
2020	Chưa quyết toán	11.260.170.085
2021	Chưa quyết toán	18.971.378.648
2022	Chưa quyết toán	6.902.336.029
		45.920.479.818

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu như sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Cổ đông		
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.797.000	606.096.000
Mua hàng và dịch vụ	-	819.414.545
Cho vay	-	51.000.000.000
Nhận tiền cho vay	46.000.000.000	5.000.000.000
Nhận chi trả hộ	-	158.423.559.521
Thu tiền lãi vay	-	1.632.572.292
Các công ty con		
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.044.800	471.466.046
Mua hàng và dịch vụ	235.549.100	270.780.876
Cổ tức được chia	874.208.172	-
Góp vốn	-	8.043.211.488
Nhận tiền vay	-	2.800.000.000
Trả tiền lãi vay	-	60.822.935

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.035.000	13.988.216
Nhận tiền vay	-	4.000.000.000
Trả tiền lãi vay	-	44.868.056
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế		
Cổ tức được chia	-	1.500.000.000
Trả hộ tiền thuê đất	-	985.842.179
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành		
Cổ tức được chia	-	6.050.352.585
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Lương và phụ cấp	1.400.571.921	984.519.000

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	2017	2016
	VND	VND
Cần trừ các khoản phải thu và phải trả	-	26.535.137.515

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

30. Điều chỉnh lại báo cáo tài chính năm 2016

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phát hiện một vài sai sót liên quan đến việc phân loại các chi phí hoạt động khách sạn trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót này cho số liệu so sánh của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2016 VND (điều chỉnh lại)	2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	39.242.837.717	34.079.669.139
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.471.002.228	23.634.170.806

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc